

B. TỔ CHỨC DẠY HỌC

Khởi động

GV khởi động bài học theo gợi ý trong SGK. Ngoài ra, GV có thể kết hợp thêm kênh hình minh họa cơ thể đơn bào, cơ thể đa bào cho phần khởi động theo gợi ý trong SGK hoặc video để làm cho hoạt động khởi động trở nên hấp dẫn, có khả năng lôi cuốn HS tập trung cao nhất vào bài giảng.

Hình thành kiến thức mới

1. CƠ THỂ ĐƠN BÀO

Hoạt động 1: Quan sát hình ảnh cơ thể đơn bào

Nhiệm vụ: GV sử dụng các phương pháp, kĩ thuật và phương tiện dạy học hỗ trợ để giúp HS tìm hiểu đặc điểm của cơ thể đơn bào. Từ đó, nhận biết được trong tự nhiên có một số sinh vật đơn bào quen thuộc.

Tổ chức dạy học: GV giới thiệu hình 19.1 (bằng máy chiếu/ tranh ảnh hoặc quan sát hình ảnh trong SGK), yêu cầu HS phân tích tranh, hoạt động cặp đôi, sử dụng kĩ thuật think – pair – share (viết ra giấy A4 hoặc giấy nháp) hoàn thành các yêu cầu của GV: Tìm đặc điểm chung của cơ thể đơn bào, từ đó nhận biết được cơ thể đơn bào là gì thông qua gợi ý và thảo luận các nội dung trong SGK.

1. Hãy chỉ ra đặc điểm chung nhất của các cơ thể trong hình 19.1a, 19.1b.

Các cơ thể sinh vật trong hình 19.1a và 19.1b đều được cấu tạo từ một tế bào. Tế bào gồm ba thành phần chính là màng tế bào, chất tế bào và nhân tế bào hoặc vùng nhân.

2. Trong thực tế, em có quan sát được trùng roi và vi khuẩn bằng mắt thường không? Tại sao?

Trùng roi và vi khuẩn không quan sát được bằng mắt thường vì cơ thể chỉ cấu tạo từ một tế bào, tế bào có kích thước hiển vi.

Luyện tập

* Hãy kể tên một số cơ thể đơn bào trong tự nhiên.

– Trùng roi, trùng giày, vi khuẩn, ...

Thông qua các nội dung thảo luận, GV hướng dẫn cho HS rút ra kết luận theo gợi ý trong SGK.

2. CƠ THỂ ĐA BÀO

Hoạt động 2: Quan sát hình ảnh cơ thể đa bào

Nhiệm vụ: GV chuẩn bị tranh ảnh hình 19.2 và chuẩn bị thêm video về thế giới thực vật, động vật đa bào hoặc tranh ảnh về thế giới động vật, thực vật, nấm đa bào cho HS xem. GV sử dụng các phương pháp trực quan kết hợp kĩ thuật khăn trải bàn để HS tìm hiểu đặc điểm của cơ thể đa bào. Từ đó giúp HS nhận biết, tìm ra đặc điểm chung của cơ thể đa bào và lấy được ví dụ về các sinh vật đa bào gắn gũi với cuộc sống.

Tổ chức dạy học: GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm trong kĩ thuật khăn trải bàn, định hướng cho HS thảo luận các nội dung trong SGK.

3. Em hãy nêu điểm khác biệt về số lượng tế bào giữa cơ thể sinh vật trong hình 19.1 và hình 19.2. Từ đó hãy cho biết cơ thể đa bào là gì?

– Hình 19.1 là sinh vật đơn bào, cơ thể chỉ cấu tạo gồm một tế bào, thực hiện các chức năng sống đơn giản.

– Hình 19.2 là sinh vật đa bào, cơ thể gồm nhiều tế bào, cấu tạo phức tạp, chuyên hoá thành nhiều cơ quan, hệ cơ quan để thực hiện các chức năng sống.

Luyện tập

* Xác định các cơ thể đơn bào, đa bào bằng cách hoàn thành bảng theo mẫu sau:

Cơ thể	Số tế bào cấu tạo nên cơ thể	Là cơ thể	
		Đơn bào	Đa bào
Vi khuẩn <i>E. coli</i>	Một tế bào	✓	
Cây bưởi	Nhiều tế bào		✓
Trùng roi	Một tế bào	✓	
Con ếch	Nhiều tế bào		✓

Thông qua các nội dung thảo luận, GV hướng dẫn cho HS rút ra kết luận theo gợi ý trong SGK.

Vận dụng

GV có thể sử dụng phương pháp trò chơi tạo cơ hội để HS vận dụng kiến thức của bài học, thông qua đó phát triển năng lực, phẩm chất. Trong bài này, có thể thiết kế trò chơi *Tiếp sức* thông qua gợi ý trong SGK hoặc thiết kế trò chơi ghép tranh về cơ thể đơn bào, cơ thể đa bào mà em biết.

* Kể tên một số cơ thể sinh vật mà em không nhìn thấy được bằng mắt thường.

– Một số sinh vật không nhìn thấy được bằng mắt thường: trùng roi, amip, trùng sốt rét, vi khuẩn lao, vi khuẩn tả, ...

C. HƯỚNG DẪN GIẢI BÀI TẬP

1. Giống nhau: – Đều được cấu tạo từ tế bào;

– Thực hiện được các chức năng sống.

Khác nhau: – Cơ thể đa bào: Cơ thể được cấu tạo từ nhiều tế bào khác nhau;

– Cơ thể đơn bào: Cơ thể được cấu tạo từ một tế bào.

2.

Sinh vật đơn bào	Sinh vật đa bào
Trùng roi, trùng giày, tảo lam, vi khuẩn đường ruột	Cây bắp cải, cây ổi, con rắn, con báo gấm, con ốc sên, con cua đỏ, con ngựa vằn, cây lúa nước, cây dương xỉ



CÁC CẤP ĐỘ TỔ CHỨC TRONG CƠ THỂ ĐA BÀO (2 tiết)

MỤC TIÊU

1. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân khi tìm hiểu về tế bào, mô, cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể và mối quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể;
- Giao tiếp và hợp tác: Xác định nội dung hợp tác nhóm trao đổi về mối quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể;
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng để giải quyết vấn đề liên quan đến mối quan hệ từ tế bào đến cơ thể trong thực tiễn.

2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Nhận thức khoa học tự nhiên: Trình bày được mối quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan và cơ thể. Từ đó nêu được các khái niệm mô, cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể. Lấy được ví dụ minh họa;
- Tìm hiểu tự nhiên: Quan sát, nhận ra được mối quan hệ từ tế bào đến cơ thể;
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Liên hệ, nhận biết được sự phối hợp hoạt động của các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể.

3. Phẩm chất

- Thông qua hiểu biết về cơ thể, từ đó có ý thức bảo vệ sức khỏe, yêu thương bản thân và gia đình;
- Trung thực trong báo cáo các kết quả học tập của cá nhân và nhóm.

Dựa vào mục tiêu của bài học và nội dung các hoạt động của SGK, GV lựa chọn phương pháp và kĩ thuật dạy học phù hợp để tổ chức các hoạt động học tập một cách hiệu quả và tạo hứng thú cho HS trong quá trình tiếp nhận kiến thức, hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất liên quan đến bài học.

A. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Thuyết trình nêu vấn đề kết hợp hỏi – đáp;
- Dạy học theo nhóm cặp đôi/ nhóm nhỏ;
- Phương pháp trực quan;

- Phương pháp trò chơi;
- Kỹ thuật think – pair – share.

B. TỔ CHỨC DẠY HỌC

Khởi động

GV đặt vấn đề theo gợi ý trong SGK. Ngoài ra, GV có thể kết hợp cho HS xem phim về sự phối hợp hoạt động của các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể, thông qua đó làm cho hoạt động khởi động trở nên hấp dẫn, có khả năng lôi cuốn HS tập trung cao nhất vào bài giảng.

Hình thành kiến thức mới

1. TỪ TẾ BÀO ĐẾN MÔ

Hoạt động 1: Tìm hiểu mối quan hệ: tế bào → mô

Nhiệm vụ: GV giới thiệu tranh hình 20.1, 20.2 trong SGK, ngoài ra GV có thể sử dụng thêm tranh ảnh khác. Qua quan sát, HS sẽ nhớ lại hình dạng tế bào đã học ở chủ đề trước, nhận biết một số loại mô thực vật, mô động vật và chỉ ra được được tế bào và mô có mối liên hệ với nhau như thế nào.

Tổ chức dạy học: Sử dụng phương pháp trực quan kết hợp phương pháp trò chơi (sử dụng trò chơi *Mảnh ghép hoàn hảo* để ghép đúng tế bào tương ứng với mô), yêu cầu HS tham gia trò chơi theo nhóm dưới hình thức tiếp sức để mỗi thành viên đều được tham gia, cùng nhau suy nghĩ để tìm ra mối liên hệ giữa tế bào và mô tương ứng. Sau đó, gợi ý và định hướng cho HS thảo luận theo các nội dung gợi ý trong SGK.

Quan sát hình 20.1, 20.2 và trả lời câu hỏi từ 1 đến 3.

1. Hãy cho biết mối quan hệ từ tế bào đến mô.

Tế bào là đơn vị cấu tạo nên mô.

2. Nhận xét về hình dạng và cấu tạo tế bào hình thành nên mỗi loại mô.

Các tế bào cấu tạo nên một loại mô có hình dạng và cấu tạo giống nhau.

3. Hãy dự đoán chức năng của các tế bào trong một mô.

Các tế bào trong một mô cùng thực hiện một chức năng nhất định.

Luyện tập

* Cơ thể người được cấu tạo từ những loại mô nào? Cho ví dụ.

– Mô cơ, mô thần kinh, mô liên kết, mô biểu bì, ...

Thông qua các nội dung thảo luận, GV hướng dẫn cho HS rút ra kết luận theo gợi ý trong SGK.

2. TỪ MÔ ĐẾN CƠ QUAN

Hoạt động 2: Tìm hiểu mối quan hệ: mô → cơ quan

Nhiệm vụ: GV hướng dẫn để HS chỉ ra được mối quan hệ giữa mô và cơ quan trong cơ thể và xác định được một số cơ quan chính trong cơ thể thực vật, động vật.

Tổ chức dạy học: GV chuẩn bị xốp, bút màu, kéo, băng dán hai mặt; yêu cầu HS hoạt động nhóm: cắt, dán, lắp ghép và tô màu một số loại mô. Sau đó GV sử dụng phương pháp trực quan cho HS quan sát sản phẩm các nhóm. Trong phần hướng dẫn HS thảo luận các câu hỏi trong bài, GV có thể cho HS chơi trò chơi *Ai nhanh hơn?* (mỗi nhóm viết ra bảng phụ các cơ quan trong cơ thể, các thành viên trong nhóm hỗ trợ nhau để viết ra được càng nhiều cơ quan càng tốt).

4. Quan sát hình 20.3a và cho biết lá cây được cấu tạo từ những loại mô nào?

Lá cây được cấu tạo từ: mô biểu bì, mô dẫn và mô cơ bản.

5. Quan sát hình 20.3b và cho biết dạ dày được cấu tạo từ những loại mô nào?

Dạ dày động vật được cấu tạo từ: mô biểu bì, mô cơ, mô liên kết, mô thần kinh.

6. Mô và cơ quan có mối liên hệ với nhau như thế nào?

Mô cấu tạo nên cơ quan.

Cơ quan là tập hợp của nhiều mô cùng thực hiện một chức năng trong cơ thể.

Luyện tập

* Hãy kể tên một số cơ quan trong cơ thể người và cho biết tim được cấu tạo từ những loại mô nào?

– Các cơ quan ở người: dạ dày, ruột, gan, tim, phổi, mắt, mũi, miệng, ...

– Tim được cấu tạo từ: mô cơ tim, mô liên kết, mô thần kinh, ...

Thông qua thảo luận trả lời các câu hỏi trên, GV hướng dẫn để HS rút ra kết luận về mối quan hệ giữa mô và cơ quan.

3. TỪ CƠ QUAN ĐẾN CƠ THỂ

Hoạt động 3: Tìm hiểu mối liên hệ: cơ quan → hệ cơ quan → cơ thể

Nhiệm vụ: GV hướng dẫn để HS nhận biết được mối quan hệ giữa cơ quan – hệ cơ quan – cơ thể.

Tổ chức dạy học: Sử dụng phương pháp trực quan thông qua tranh hình 20.4 và tranh ảnh GV chuẩn bị, yêu cầu HS thảo luận nhóm, xác định các cơ quan nào trong cơ thể cùng đảm nhận một chức năng. Phần hướng dẫn HS thảo luận các nội dung trong SGK, GV có thể tổ chức lồng ghép một số kĩ thuật dạy học và trò chơi nhanh để tăng cường hứng thú cho HS như trò chơi *Ghép chữ, Đuổi hình bắt chữ*.